

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2018.

*“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Tám

2. Ông Trần Xươngne

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24/11/2017 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Huyền Tr, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Ông Trần Quang Th, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr thì vụ án có nội dung như sau:**

Nguyên đơn Tr và bị đơn Th tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung cùng nhau bên gia đình bị đơn Th ở ấp A, xã B vào ngày 3 và 4 tháng 02 năm 2012, sau đó đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2012. Vợ chồng có một con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 05/12/2012.

Nguyên đơn nhân mẫu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2014 bị đơn Th đi làm ăn xa, ít về thăm vợ con và do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên sống chung không hạnh phúc. Hiện nay, nguyên đơn Tr không còn tình cảm yêu thương

và không về sống chung cùng bị đơn Th. Vì vậy, nguyên đơn Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết để nguyên đơn Tr được ly hôn chồng là bị đơn Th.

- *Về con chung*: Nguyên đơn Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 05/12/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi, nguyên đơn Tr không yêu cầu bị đơn Th cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, nguyên đơn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn Trần Quang Th*: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 675/TB-TLVA, ngày 24/11/2017 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Th nhưng bị đơn Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tr. Sau đó, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Th tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng bị đơn Th không tham dự. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn Tr tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Th không chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham dự phiên tòa sơ thẩm.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tr, giải quyết để nguyên đơn Tr được ly hôn bị đơn Th vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Đề nghị để nguyên đơn Tr được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 05/12/2012, bị đơn Th không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn Tr không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung, do nguyên đơn Tr không yêu cầu giải quyết còn bị đơn Th không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Th vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn Tr yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Th theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Th.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn Tr trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung như sau: Nguyên đơn Tr và bị đơn Th tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/5/2012. Nguyên đơn Tr và bị đơn Th có 01 con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 05/12/2012. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn Tr phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn và Giấy khai sinh của con chung do nguyên đơn Tr cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Nguyên đơn Tr yêu cầu được ly hôn chồng là bị đơn Th. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Tr thì thấy rằng:

Hiện nay, nguyên đơn Tr không còn tình cảm yêu thương bị đơn Th, không muốn sống chung cùng bị đơn Th và cương quyết ly hôn bị đơn Th. Xét thấy, từ năm 2014 đến nay, nguyên đơn Tr và bị đơn Th ít có thời gian sống chung cùng nhau, trong một thời gian dài các bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, các bên đều không có biện pháp cụ thể nào để đoàn tụ gia đình. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Tr, tuyên bố nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr được ly hôn chồng là bị đơn Trần Quang Th.

[4] *Về nuôi con chung:*

Nguyên đơn Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 05/12/2012 và không yêu cầu bị đơn Th cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn Tr thì thấy rằng: Cháu T mới gần 06 tuổi, chưa tới tuổi trưởng thành, cần phải có sự quan tâm chăm sóc của cả cha và mẹ nhưng khi cha mẹ ly hôn thì chỉ có một người trực tiếp nuôi con. Trên thực tế thì nguyên đơn Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thịnh từ nhỏ cho đến nay, cuộc sống về mọi mặt vẫn được bảo đảm tốt, tình cảm mẹ con đã gắn bó. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao cháu T cho mẹ là nguyên đơn Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Do nguyên đơn Tr không yêu cầu bị đơn Th cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn Th được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở bị đơn Th thực hiện quyền này.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, nguyên đơn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn Th không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[6] *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr được ly hôn chồng là bị đơn Trần Quang Th.

2. *Về con chung*:

- Nguyên đơn Tr được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 05/12/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn Th không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn Tr không yêu cầu. Bị đơn Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở bị đơn Th thực hiện quyền này.

3. *Án phí sơ thẩm*:

Nguyên đơn Tr phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn Tr đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0009421, ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm, bị đơn Th không phải chịu án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Tr được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn Th, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày bị đơn Th nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung